TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số: 56 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 04 năm 2020
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Thanh Thùy

2. Bà Phạm Thị Yến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhung- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2019 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐXX-ST ngày 05/03/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T ; Sinh năm 1962 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T , xã Đ L , huyện B T c, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn:Anh Lê Văn T ; Sinh năm 1958 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T , xã Đ L , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án chị T trình bày;

Chị T và anh T tìm hiểu nhau một thời gian ngắn thì đi đến hôn nhân. Anh chị có tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ L năm 1989. Sau khi lấy nhau chị T nhận thấy vợ chồng không hợp nhau từ cách sinh hoạt đến làm ăn. Bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con và cách đối nhân xử thế. Sau khi lấy nhau đã mâu thuẫn mọi công lớn việc nhỏ trong gia đình đều do chị T gánh vác. Anh T thường xuyên rượu chè bên tha về đánh chửi mẹ con chị T .

Chị T trình bày kể cả việc anh T đánh đề bị thua cũng về chửi bới đánh đập chị T . Những khi chị ốm đau nằm liệt giường anh T cũng không có trách nhiệm. Anh T không có trách nhiệm với cả vợ và con. Hơn 30 (ba mươi) năm sống chung chị T chịu đựng cho con khôn lớn trưởng thành. Nay anh T vẫn say khướt và chửi bới chị T không kể ngày đêm. Chị T cảm thấy không đủ sức chịu đựng nữa và không còn chút tình cảm gì với anh T nên chị tha thiết xin được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có con lớn là Lê Thị T sinh năm 1990 đã có gia đình riêng; cháu thứ hai Lê Thị P sinh năm1993 cũng đã lập gia đình.

Về tài sản chung : Không yêu cầu giải quyết;

Nợ chung: không có.

Anh Lê Văn T triệu tập nhiều lần không đến làm việc.

Tòa án đến nhà làm việc với anh Lê Văn T nhưng anh T không hợp tác. Anh cho rằng anh không ly hôn, chị Thủy muốn làm gì thì làm anh không ký văn bản gì , Tòa án cứ làm việc theo pháp luật, chị Thủy làm gì thì làm anh không có ý kiến gì.

Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Thế không đến tham gia hòa giải và không đến tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố. Thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS. Về nội dung giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX cho chị T ly hôn anh T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2.] *Về hôn nhân*: Anh T và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau. Ngày 28/12/1989 anh chị tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ L , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

[3] *Tình trạng hôn nhân*: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị T được ly hôn anh Lê Văn T

-*Về con chung:* Đã thành niên.

-*Về tài sản:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chị hà Thị Thủy phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.- Căn cứ khoản 1 Điều 56Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho Chị Hà Thị T ly hôn anh Lê Văn T .

3. *Về án phí*: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0005189 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước(Chị T đã nộp đủ).

Án sơ thẩm có mặt chị Thủy vắng mặt anh T . Chị Thủy được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Thế được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát;
- Các đương sự;
-Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn,
…….
- Lưu

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

…… …….. ***Trần Thị Quyên***